TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PLEIKU** **TỈNH GIA LAI** Bản án số: 74/2021/DS-ST Ngày 24-8-2021 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Đình Nguyên

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Quách Đình Hoằng

2. Bà Nguyễn Thị Bắc

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trần Thị Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Thắng Trinh – Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 8 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2018/TLST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2018, về: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2018/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đinh Thị H, sinh năm 1966. Địa chỉ: Số 01 hẻm 872 đường Ph, Tổ 7, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim O. Địa chỉ: Số 874 đường Đ, Tổ 7, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Hữu S, sinh năm 1962. Địa chỉ: Số 01 hẻm 872 đường Ph, Tổ 7, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt

- Anh Phạm Ngọc A. Địa chỉ: Số 874 đường Ph, Tổ 7, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

- Ông Phạm Xuân Qu, sinh năm 1956. Số 874 đường Ph, Tổ 7, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

4. Người làm chứng:

Ông Phạm Xuân H, sinh năm 1966. Địa chỉ: Số 872/6 đường Ph, tổ 7, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 14-5-2018, bản tự khai có tại hồ sơ và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là bà Đinh Thị H trình bày:

Bà Nguyễn Thị Kim O và bà H là hàng xóm nên có cho bà O vay số tiền là 200.000.000đồng. Việc vay tiền này bà O đã viết giấy mượn tiền đề ngày 04-5-2015 để làm tin. Về lãi suất các bên tự thỏa thuận như sau: 2.000đồng/1 triệu/ngày (hai nghìn đồng trên một triệu trên một ngày), nửa tháng trả tiền lãi một lần tương

ứng số tiền là 6.000.000đồng. Việc thỏa thuận lãi suất này các bên chỉ thỏa thuận miệng với nhau nên không ghi cụ thể vào giấy mượn tiền. Thời hạn vay trong giấy mượn tiền không ghi nhưng các bên thỏa thuận là 02 tháng. Tuy nhiên, bà O trả lãi được 05 lần tiền lãi tương ứng thời gian 2,5 tháng (hai tháng rưỡi) tương ứng với số tiền là 30.000.000đồng thì tuyên bố mất khả năng thanh toán và không trả lãi và trả tiền gốc cho bà H. Bà H đã nhiều lần đòi tiền nhưng không được. Do không có khả năng thanh toán nên bà O thỏa thuận với bà H cấn trừ tài sản cho bà H để trả nợ như sau:

- Bà O viết giấy bán 01 xe mô tô Vision biển số: 81B1-31194 mang tên Phạm Ngọc A trị giá 30.000.000đồng.
- Ti vi hiệu Sony 43inch trị giá 15.000.000đồng.
- Tủ đứng quần áo 06 buồng trị giá 24.000.000đồng.
- Bàn trang điểm, trị giá 6.000.000đồng.

Tổng cộng số tiền thỏa thuận cấn trừ tài sản là 75.000.000đồng, số tiền này được cấn trừ vào khoản vay 50.000.000đồng, có viết giấy vay tiền. Khoản vay này, bà O vay sau số tiền 200.000.00đồng khoảng 07 ngày. Số tiền còn lại là tổng cộng 25.000.000đồng được cấn trừ vào khoản vay 200.000.000đồng nêu trên nên viết trực tiếp vào giấy mượn tiền đề ngày 04-5-2015 với hai nội dung: "Ngày 31-10-2015 trả 19.000.000đồng" và "Ngày 31-10-2015 trả 6.000.000đồng" đều có chữ ký của bà O. Lý do viết trả hai lần là do ban đầu không có cấn trừ tài sản là Bàn trang điểm. Nên khi bà O đề nghị lấy bàn trang điểm và xác định giá trị là 6.000.000đồng nên mới ghi thêm nội dung này.

Sau khi thanh toán cho bà H số tiền nêu trên bà O không tiếp tục trả tiền nên đến thời gian tháng 9 năm 2016, bà H và bà O có tới Công an phường Yên Thế, thành phố Pleiku để giải quyết sự việc vay tiền nêu trên. Quá trình làm việc tại Công an phường Yên Thế, bà H đã trình bày sự việc bà O vay của bà H số tiền tổng cộng 250.000.000đồng đã trả được số tiền 75.000.000đồng bằng hình thức cấn trừ tài sản. Bà O cũng có các lời khai tại Công an phường Yên Thế liên quan đến số nợ nêu trên. Tại công an phường Yên Thế bà O có cam kết sẽ trả tiền cho bà H. Do đó, Công an phường Yên Thế không tiếp tiếp tục giải quyết vụ việc. Tuy nhiên, đến nay bà O không trả tiền.

Vì vậy, bà Đinh Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Kim O trả số tiền vay là 175.000.000đồng. Về tiền lãi bà H không yêu cầu giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, bà H nộp tài liệu, chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện là:

- Giấy mượn tiền ngày 04-5-2015.
- Giấy bán xe đề ngày 10-8-2015.

Tại bản tự khai đề ngày 14-7-2018, bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim O trình bày:

Tháng 5 năm 2015, bà H có gửi bà O số tiền là 200.000.000đồng để lấy tiền lãi 2.000đồng/01 triệu/ngày. Bà O đã trả được số tiền lãi 06 tháng là 72.000.000đồng. Tiền gốc đã trả cho bà H là 25.000.000đồng. Sau đó, bà O làm ăn thua lỗ, không còn khả năng đóng lãi cho bà H nữa.

Khoảng thời gian tháng 12 năm 2015, bà H cùng bà Sinh (em dâu bà H), ông S (chồng bà H) và ông Bộ (em chồng bà H) vào nhà bà O cưỡng đoạt tài sản là:

- 01 xe mô tô Vision biển số: 81B1-31194 mang tên Phạm Ngọc A.
- Ti vi hiệu Sony 43 inch.
- Tủ đứng quần áo 06 buồng.
- Bàn trang điểm.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phải trả số tiền 200.000.000đồng thì bà O không đồng ý vì bà O đã thanh toán một khoản tiền mặt; bà H đã chiếm đoạt tài sản của bà O và đã sử dụng 03 năm nên bà O không còn nghĩa vụ trả tiền nữa.

Ngoài bản tự khai đề ngày 14-7-2018, bà O không nộp tài liệu, chứng cứ gì khác và không đến Tòa án trình bày ý kiến, tham gia phiên họp và phiên hòa giải.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Nguyễn Hữu S trình bày:

Ông Nguyễn Hữu S nhất trí với ý kiến của nguyên đơn là bà H trình bày.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập để tham dự phiên tòa nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Phạm Ngọc A vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**** Tại phiên tòa:***

Nguyên đơn là bà Đinh Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Hữu S trình bày:

Bà Đinh Thị H và ông Nguyễn Hữu S giữ nguyên các ý kiến đã trình bày; không đồng ý kiến trình bày của bị đơn. Việc bà H và ông S lấy các tài sản gồm: xe mô tô Vision biển số: 81B1-31194, Ti vi hiệu Sony 43inch, Tủ đứng quần áo 06 buồng và Bàn trang điểm là sự thỏa thuận giữa bà H và bà O, không có sự đồng ý của anh Phạm Ngọc A và chồng bà O là ông Phạm Xuân Qu.

Việc bà O cho rằng bà H lấy các tài sản nêu trên là cưỡng đoạt tài sản là không có căn cứ. Bởi vì bà O tuyên bố không có khả năng trả nợ nên mới yêu cầu bà H lấy tài sản để cấn trừ nợ. Giá thỏa thuận bà O đưa ra là quá cao nhưng bà H và ông S vẫn đồng ý. Khi lấy tài sản thì ông Qu là chồng bà O và ông Phạm Xuân H1 là hàng xóm có mặt chứng kiến và ông Qu cũng không có ý kiến gì. Bà O đã mời ông H1 làm chứng và đã có lời khai tại phiên tòa. Hiện bà H đã làm đơn tố cáo việc bà O vu khống tới Công an tỉnh Gia Lai và Công an thành phố Pleiku nhưng chưa được giải quyết.

Bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Kim O trả số tiền vay là 175.000.000đồng.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim O, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Phạm Xuân Qu và anh Phạm Ngọc A vắng mặt và không nộp thêm tài liệu, chứng cứ gì.

Tại phiên tòa ngày 05-4-2019, người làm chứng là ông Phạm Xuân H1 trình bày:

Ông Phạm Xuân H1 là hàng xóm với gia đình các đương sự bà Đinh Thị H và bà Nguyễn Thị Kim O. Về nội dung vay tiền giữa bà H và bà O ông H1 không

biết. Ông H1 có biết việc gia đình bà H tới lấy đồ nhà bà O thì ông H1 có biết và chứng kiến sự việc này. Lý do biết là khi gia đình nhà bà H tới, ông H1 đang ngồi uống rượu với ông Phạm Xuân Qu là chồng bà O và tại nhà bà O; về thời gian cụ thể thì ông H1 không nhớ. Theo ông Qu là bà chồng bà O nói cho ông H1 biết việc lấy đồ này là để trừ tiền nợ. Khi lấy đồ các bên không xảy ra to tiếng gì cả, ông Qu còn đi lấy đồ nghề để gỡ tủ cho vợ chồng bà H, ông S đem đi.

Tài liệu do Tòa án thu thập gồm:

- Biên bản xác minh ngày 08-3-2019, tại: Công an phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xác định: Không xác định được nội dung tranh chấp của bà Đinh Thị H và bà Nguyễn Thị Kim O nên không cung cấp thông tin cho Tòa án được.

Ý kiến Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Phạm Xuân Qu và anh Phạm Ngọc A không chấp hành quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không có mặt theo giấy triệu tập và không nộp tài liệu chứng cứ.

- Về nội dung vụ án: Việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Tuy nhiên, việc các bên cho vay với lãi suất 2000đồng/1 triệu/ngày là trái với quy định tại Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005. Nguyên đơn xác định thời hạn cho vay là 2 tháng nên đây là hợp đồng vay có thời hạn và có lãi nên tiền lãi theo quy định pháp luật là 4.500.000đồng (200.000.000đồng x 9%/năm x 2 tháng). Bà O đã nhận số tiền lãi là 30.000.000đồng nên số tiền lãi vượt quá là 25.500.000đồng được trừ vào nợ gốc. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà O phải trả cho bà H số tiền là 149.500.000đồng; không chấp chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H với số tiền 25.500.000đồng.

Về án phí: Bà O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.475.000đồng; bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.275.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Pleiku nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Bà Đinh Thị H có đơn yêu cầu tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Kim O, trú tại: Số 874 đường Đ, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai phải trả số tiền vay. Vì vậy, Tòa án xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku quy định tại: Điều 471 Bộ Luật dân sự năm 2005; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim O không có yêu cầu phản tố và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Ngọc A đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Xuân Qu có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà O, ông Qu và anh Ngọc Anh.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim O thừa nhận có vay bà Đinh Thị H số tiền số tiền là 200.000.000đồng và viết Giấy mượn tiền đề ngày 04-5-2015. Trong giấy vay các bên không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả tiền. Về lãi suất các bên tự thỏa thuận là 2000đồng/1 triệu/ngày. Căn cứ Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[3] Tuy nhiên, bà O cho rằng không còn nghĩa vụ trả khoản tiền vay này vì đã trả được số tiền lãi 06 tháng là 72.000.000đồng; tiền gốc đã trả cho bà H là 25.000.000đồng thể hiện đã ghi Giấy mượn tiền đề ngày 04-5-2015 và trị giá số tài sản bà H vào nhà bà O lấy tài sản gồm: 01 xe mô tô Vision biển số: 81B1-31194 mang tên Phạm Ngọc A, 01 Ti vi hiệu Sony 43inch, 01 Tủ đứng quần áo 06 buồng và 01 Bàn trang điểm nên bà O đã thanh xong số nợ 200.000.000đồng.

Bà H xác định việc lấy tài sản là thỏa thuận cấn trừ nợ giữa bà H và bà O. Thỏa thuận này các bên không lập thành văn bản, riêng đối với xe mô tô Vision biển số: 81B1-31194 mang tên Phạm Ngọc A thì bà O viết Giấy bán xe ngày 10-8-2015.

Tuy nhiên, bà O cho rằng việc lấy tài sản này là cưỡng đoạt tài sản nhưng bà O không báo với chính quyền địa phương. Theo lời khai của người làm chứng là ông Phạm Xuân H1 là hàng xóm của bà H và bà O xác nhận có sự việc gia đình bà H tới lấy đồ nhà bà O là các tài sản nêu trên. Ông H1 có biết và chứng kiến sự việc này vì tại thời điểm gia đình nhà bà H tới lấy đồ nhà bà O, ông H1 đang ngồi uống rượu với ông Phạm Xuân Qu là chồng bà O và tại nhà bà O và ông Qu nói cho ông H1 biết việc lấy đồ này là để trừ tiền nợ. Khi lấy đồ các bên không xảy ra to tiếng gì cả, ông Qu còn đi lấy đồ nghề để gỡ tủ cho vợ chồng bà H, ông S đem đi. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh tại Công an phường Yên Thế và có công văn gửi Công an thành phố Pleiku liên quan đến nội dung bà O cho rằng bà H đã cưỡng đoạt tài sản nêu trên nhưng theo kết quả xác minh thì Công an phường Yên Thế xác định không có sự việc này. Vì vậy, bà O cho rằng việc lấy tài sản này là cưỡng đoạt tài sản là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Do đó, thỏa thuận cấn trừ tài sản giữa bà H và bà O này là thỏa thuận định giá tài sản thành tiền để bù trừ nghĩa vụ trả tiền.

Việc bà H cho rằng tổng cộng số tiền thỏa thuận cấn trừ tài sản là 75.000.000đồng được cấn trừ vào khoản vay 50.000.000đồng, có viết giấy vay tiền nhưng không xuất trình được giấy vay này và tài liệu về thỏa thuận định giá tài sản là 75.000.000đồng nên không có căn cứ chấp nhận ý kiến trình bày này của bà H. Do đó, Hội đồng xét xử xác định nội dung trong Giấy mượn tiền đề ngày 04-5-2015 với nội dung: "Ngày 31-10-2015 trả 19.000.000đồng" và "Ngày 31-10-2015 trả 6.000.000đồng" là số tiền mà bà O đã trả cho khoản vay 200.000.000đồng. Vì vậy, số tiền bà O còn nợ bà H trong khoản vay này là 175.000.000đồng.

[4] Về nguồn gốc các tài sản nêu trên là tài sản chung của bà O và chồng là ông Phạm Xuân Qu; xe mô tô Vision biển số: 81B1-31194 là tài sản của anh Phạm Ngọc A là con trai bà O. Việc bà O và bà H tự ý thỏa thuận cấn trừ nợ với nhau nhưng không có sự đồng ý của chủ sở hữu là ông Qu và anh Ngọc Anh nên thỏa thuận này là trái pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà O không có yêu cầu phản tố, ông Qu và anh Ngọc Anh không có yêu cầu độc lập liên quan đến thỏa thuận cấn trừ tài sản. Vì vậy, việc thỏa thuận cấn trừ tài sản này không được được xem xét giải quyết trong cùng vụ án. Do đó, bà O, ông Qu và anh Ngọc Anh được quyền khởi kiện bằng vụ án khác để bảo vệ quyền lợi của mình theo quy định của pháp luật nếu có yêu cầu.

[5] Về tiền lãi:

Các đương sự đều thống nhất lãi suất khoản vay này là 2.000đồng/01 triệu/ngày. Mức lãi suất này là trái pháp luật nên không được chấp nhận. Giấy vay tiền ngày 04-5-2015 xác lập trước ngày 01-01-2017 nên thuộc trường hợp áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005. Nội dung giấy vay không thể hiện thời hạn trả tiền nên đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi. Vì vậy, lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả theo lãi suất thỏa thuận nhưng không vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm xác lập hợp đồng tương ứng với thời gian vay chưa trả lãi.

Bà O xác định đã trả được số tiền lãi 06 tháng là 72.000.000đồng nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh điều này. Bà H xác định bà O trả lãi được 05 lần tiền lãi tương ứng thời gian 2,5 tháng (hai tháng rưỡi) với số tiền là 30.000.000đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định số tiền lãi đã trả là 30.000.000đồng.

Đối chiếu với quy định lãi suất nêu trên thì số tiền lãi đã trả không vượt quá số tiền lãi mà bên vay phải trả theo quy định pháp luật. Vì vậy, tiền lãi bà O đã trả không được trừ vào nợ gốc.

[6] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà O không xuất trình được tài liệu nào khác thể hiện đã trả số tiền 175.000.000đồng nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay và xâm phạm quyền lợi của bà H. Căn cứ khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005, yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận toàn bộ.

[7] Về án phí: Bà O phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 161, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy bản thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị H.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim O phải trả cho bà Đinh Thị H số tiền 175.000.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Kim O phải chịu 8.750.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đinh Thị H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 4.375.000đồng theo biên lai thu tiền số 0003565 ngày 18 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Đinh Thị H và ông Nguyễn Hữu S có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt là bà Nguyễn Thị Kim O, ông Phạm Xuân Qu và anh Phạm Ngọc A vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tp Pleiku;
- Chi cục THADS tp Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Vũ Đình Nguyên